

Số 05 - NQ/TU

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
Về phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa
ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững
giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030

CÔNG VĂN ĐẾN

Số 181

Ngày 28/10/2016

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010 - 2015; dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân, trong những năm qua nông nghiệp và nông thôn Ninh Bình đã có bước phát triển khá toàn diện, bảo đảm an ninh lương thực, từng bước đổi mới mô hình sản xuất. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng trưởng khá ổn định, giai đoạn 2010-2015 bình quân tăng 1,7%/năm, chiếm tỷ trọng 12,5% tổng GDP toàn tỉnh; thu nhập bình quân đầu người của dân cư nông thôn năm 2015 đạt 25 triệu đồng/người, tăng 11,8 triệu đồng so với năm 2010. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được tăng cường, phong trào xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực, an ninh nông thôn được đảm bảo. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp được nâng lên bình quân 20 - 25%; giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 ha đất canh tác năm 2015 đạt 96,5 triệu đồng, tăng 14,4 triệu đồng so với năm 2010.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, nông nghiệp Ninh Bình vẫn bộc lộ một số hạn chế như: Chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp còn chậm; sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh, chưa gắn kết chặt chẽ với chế biến và tiêu thụ, đặc biệt gắn kết giữa nhà nước, nhà nông và doanh nghiệp; hoạt động ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, vốn đầu tư cho chuyển đổi cơ cấu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp chưa nhiều; ruộng đất manh mún; sản xuất nông nghiệp truyền thống còn nhiều rủi ro, sản phẩm nông nghiệp sức cạnh tranh thấp; lao động nông thôn dôi dư trong quá trình tổ chức lại sản xuất; ít doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Những hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan: Do cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp thiếu đồng bộ và nguồn lực bố trí thực hiện chính sách chưa tương xứng; tỉnh chưa có chính sách hữu hiệu để huy động sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, nhà khoa học vào sản xuất nông nghiệp; tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, xuất hiện nhiều hiện tượng khí hậu cực đoan, thiên tai ngày càng nghiêm trọng.

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI và

các chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa bền vững, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học với hình thức sản xuất tiên tiến, phù hợp với thị trường vừa là nhiệm vụ cấp bách thường xuyên, vừa là mục tiêu lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời là động lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ du lịch, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, tạo sự ổn định để phát triển nhanh và bền vững.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa với sản phẩm có lợi thế, gắn kết thị trường tiêu thụ và hiệu quả kinh tế bền vững dựa trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương. Tăng cường các hoạt động ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực và sản phẩm đột phá, hiệu quả cao; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến, bền vững. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

2. Mục tiêu

Phát huy lợi thế và tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững; từng bước xây dựng và nhân rộng mô hình “Mỗi làng một nghề, mỗi xã một sản phẩm chủ lực”. Xây dựng mô hình tái cơ cấu nông nghiệp cấp xã đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm trên địa bàn các huyện, thành phố; tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về tư duy, phương thức tổ chức sản xuất hàng hóa với quy mô đủ lớn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học; tạo sự đột phá, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển gắn với công nghiệp, dịch vụ du lịch. Tăng tỷ lệ cơ giới hóa, giảm chi phí đầu vào, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giai đoạn 2016-2020, đảm bảo tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân đạt trên 2,0%/năm; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước xây dựng, nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững, gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ du lịch, để nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, đến năm 2020 đạt trên 130 triệu đồng/1ha đất canh tác.

Giai đoạn 2021-2030, ổn định tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân đạt 2,0%/năm; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

theo hướng sản xuất hàng hóa, trọng tâm là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững, gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ du lịch, đến năm 2030 giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 200 triệu đồng/1ha đất canh tác.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thực hiện quy hoạch, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đai hợp lý, cơ cấu lại các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa

Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để cơ cấu lại quỹ đất, cơ cấu lại sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực. Quy hoạch sản xuất hàng hóa gắn liền với chuyên môn hóa, đa dạng hóa nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Trong đó chú trọng tạo quỹ đất để hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô đủ lớn với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực, có lợi thế của tỉnh và quỹ đất dành cho các hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; chuyển đổi theo quy định diện tích đất có hiệu quả sử dụng thấp sang sản xuất hàng hóa có hiệu quả hơn.

2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, với sản phẩm có lợi thế, gắn kết thị trường tiêu thụ và hiệu quả kinh tế bền vững

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

Đảm bảo diện tích đất gieo trồng lúa hàng năm khoảng 76.000 ha trong đó có trên 50% là diện tích đất trồng lúa hàng hóa chất lượng cao chủ yếu ở các huyện Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô, Gia Viễn; sử dụng phương pháp canh tác lúa tiên tiến, công thức luân canh hợp lý; cơ giới hóa quá trình sản xuất; hoàn thiện hệ thống hạ tầng canh tác vùng sản xuất lúa tập trung; tiến hành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất lúa hàng hóa cao hơn so với sản xuất truyền thống từ 10 - 20%.

Đẩy mạnh sản xuất rau quả đảm bảo an toàn thực phẩm với các loại rau, quả truyền thống, có lợi thế của từng địa phương như: Cải bắp, xu hào, súp lơ, bí xanh, khoai tây, rau rút, rau cần... Hình thành vùng sản xuất rau an toàn tập trung có quy mô khoảng 5% diện tích trồng rau toàn tỉnh, theo hướng liên kết sản xuất gắn với thị trường trên địa bàn các huyện: Yên Khánh, Yên Mô, Nho Quan và thành phố Ninh Bình.

Khuyến khích đầu tư mở rộng diện tích trồng hoa, xác định các loại hoa chủ yếu, thế mạnh cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh, trong đó khoảng 50% diện tích phát triển theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao, quy hoạch các vùng trồng hoa có giá trị trên địa bàn thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp, các huyện Gia Viễn, Yên Khánh và Yên Mô; xây dựng vùng sản xuất cây dược liệu có giá trị kinh tế cao.

Ổn định diện tích trồng dưa khoảng 2.000 ha trên địa bàn thành phố Tam Điệp và huyện Nho Quan, tạo thành vùng sản xuất dưa nguyên liệu cung cấp cho các doanh nghiệp với giống dưa phù hợp tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất vùng đồi thấp ở các huyện Nho Quan, Gia

Viễn và thành phố Tam Điệp với mô hình chuyên canh, đa canh các giống cây ăn quả bản địa và giống mới, có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa dùng.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất tiên tiến, công nghệ cao để đưa vào sản xuất, canh tác trong lĩnh vực trồng trọt. Tổ chức khảo nghiệm, bảo tồn, phục tráng giống cây đặc sản địa phương có chất lượng cao.

Chuyển đổi theo quy hoạch diện tích đất kém hiệu quả sang sản xuất giống và nuôi trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao, phù hợp với lợi thế của từng địa phương.

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Tiếp tục phát triển chăn nuôi bền vững theo hướng hàng hóa với quy mô phù hợp, đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm với các đối tượng vật nuôi chủ lực và có lợi thế.

Phát triển chăn nuôi lợn hướng nạc, lợn bản địa, lợn rừng lai, đến năm 2020, tổng đàn lợn tăng trên 10% so với năm 2015.

Tiếp tục bảo tồn và phát triển đàn dê núi Ninh Bình với quy mô đàn năm 2020 tăng 10% so với năm 2015; đồng thời mở rộng quy mô đàn dê lai, dê Bách Thảo, các giống dê ngoại ở các huyện Nho Quan, Hoa Lư, Gia Viễn và thành phố Tam Điệp để nâng cao tầm vóc, năng suất thịt hướng đến mục tiêu đáp ứng đủ nhu cầu ẩm thực, du lịch.

Phát triển đàn gia cầm (gà đồi, gà thả vườn, vịt siêu trứng, vịt trời...) theo tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương, đến năm 2020, tổng đàn tăng trên 2% so với năm 2015.

Phát triển đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, chăn nuôi bò thịt theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu, đến năm 2020 tổng đàn bò tăng khoảng 5% so với năm 2015.

Chuyển dịch phương thức sản xuất chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại tập trung, bán công nghiệp, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao ở các huyện: Kim Sơn, Yên Khánh, Nho Quan, Gia Viễn. Đến năm 2020, đưa số đầu con trong trang trại lên 30 - 40% so với tổng đàn với các giống vật nuôi đặc sản có giá trị kinh tế cao, tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

Phát triển nhanh nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, giá trị gia tăng và an toàn thực phẩm. Mở rộng diện tích nuôi thủy sản nước ngọt, chủ yếu trên địa bàn huyện Nho Quan, Gia Viễn, Yên Mô theo cả 2 hình thức là nuôi chuyên canh, thâm canh và nuôi kết hợp lúa - cá, với các giống nuôi truyền thống và mới, như: Cá rô phi đơn tính, cá trắm cỏ, cá trắm đen, cá chép lai; trong đó diện tích nuôi tập trung, chuyên canh trên 60% tổng diện tích.

Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung nước mặn, lợ vùng ven biển huyện Kim Sơn theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, với các đối tượng nuôi có lợi thế, gắn với chế biến, thị trường như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua xanh và ngao, đảm bảo diện tích nuôi tập trung, chuyên canh đạt 100% tổng diện tích.

Đẩy mạnh đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật thủy sản, kết hợp với xây dựng hạ tầng giao thông, thủy lợi, bến cảng, cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá; trong đó ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng các trung tâm giống thủy sản nước ngọt, nước mặn ở Yên Khánh, Kim Sơn và các vùng sản xuất lúa - cá ruộng trũng ở Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô; mở rộng cơ sở sản xuất giống của doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao.

Khuyến khích chuyển giao công nghệ đánh bắt thủy sản tiên tiến; từng bước nâng cao năng lực, phát triển các đội tàu khai thác hải sản xa bờ và duy trì hợp lý số tàu thuyền công suất nhỏ đánh bắt gần bờ đảm bảo khai thác, đánh bắt có hiệu quả gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng biên giới biển.

2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

Phát triển lâm nghiệp toàn diện từ quản lý, bảo vệ, trồng, cải tạo, làm giàu rừng đến khai thác, chế biến lâm sản, bảo vệ môi trường rừng phục vụ du lịch sinh thái; duy trì ổn định độ che phủ của rừng. Xây dựng kế hoạch cải tạo, thay thế rừng trồng bằng các giống cây gỗ lớn, kết hợp một số cây bản địa, cây dược liệu, cây ăn quả, có ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường rừng gắn với du lịch trải nghiệm. Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, xây dựng các vườn ươm, cung cấp giống có năng suất chất lượng cao; xây dựng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây lâm nghiệp theo hướng hàng hóa.

Tập trung đầu tư, lồng ghép các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm đưa Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại Ninh Bình vào khai thác và kết nối hợp tác với các khu du lịch trong và ngoài tỉnh.

2.5. Tăng cường công tác, quản lý nhà nước và khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ nông nghiệp, đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm

Tăng cường công tác quản lý nhà nước và khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ vật tư nông nghiệp đầu vào để giảm giá thành và đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân nói không với thực phẩm bẩn. Đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Từng bước nghiên cứu, hướng dẫn nông dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp nhằm giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra rủi ro.

2.6. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ xác lập, duy trì và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu một số nông sản, thực phẩm chủ lực

Hỗ trợ phát triển thị trường, xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy tiêu thụ nông sản, nhất là các sản phẩm chủ lực có khối lượng hàng hóa lớn. Chú trọng khâu bảo quản sau thu hoạch, hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến, chợ đầu mối thu gom, tiêu thụ nông sản cho người dân.

Khuyến khích, hỗ trợ xác lập, duy trì, phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hàng hóa đặc thù của tỉnh, như: Duy trì, phát triển các sản phẩm hàng hóa đã đăng ký và được xác lập quyền sở hữu trí tuệ chỉ dẫn địa lý

“Dê núi Ninh Bình”, “Dừa Đồng Giao”; nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận: Ngao Kim Sơn, khoai sọ Yên Quang, khoai lang Hoàng Long, cơm cháy Ninh Bình... Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm gạo sạch chất lượng cao, rau củ, quả an toàn, gà Cúc Phương, đào phai Tam Điệp, chè Ba Trại Tam Điệp, sản phẩm chế biến, chiết xuất từ cây dược liệu.

3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực, sản phẩm đột phá, hiệu quả cao

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và xúc tiến thương mại nông nghiệp tỉnh. Tiếp thu có chọn lọc các thành tựu công nghệ cao lĩnh vực nông nghiệp trong và ngoài nước phù hợp với nhu cầu, điều kiện của địa phương, tiến hành thử nghiệm, làm chủ và thích nghi vào điều kiện sinh thái và thực tế sản xuất của tỉnh để nâng cao năng lực khoa học công nghệ, hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Chú trọng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp từ khâu giống, quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến thực phẩm, với các loại ứng dụng công nghệ cao như: Hệ thống tưới tiết kiệm (phun, tưới nhỏ giọt...); hệ thống nhà lưới, nhà kính, màng PE; công nghệ mới trong bảo quản và chế biến nông sản; chăn nuôi hiện đại theo dây chuyền, có hệ thống điều khiển tự động; kỹ thuật canh tác không dùng đất; ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất giống; các chế phẩm phục vụ nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thế hệ mới; máy canh tác, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch thế hệ mới. Tiến hành xây dựng các mô hình điểm, trình diễn thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong trồng rau, hoa, nuôi thủy sản nước mặn, lợ, ngọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

Phấn đấu có từ 1 - 3 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó hỗ trợ Công ty Cổ phần Tổng công ty Giống cây trồng con nuôi Ninh Bình và các doanh nghiệp có tiềm năng trở thành doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thực hiện nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh giống cây trồng và các vật nuôi có chất lượng, năng suất, giá trị gia tăng cao. Hoàn thành cổ phần hóa đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bình Minh theo Kế hoạch của Chính phủ và định hướng phát triển theo hướng chuyển giao công nghệ cao và thu hút doanh nghiệp đầu tư trở thành khu công nghệ cao.

4. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, tiên tiến, bền vững; khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại

Tập trung thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, khuyến khích, hỗ trợ sản xuất tập trung trang trại. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tăng cường hiệu quả hoạt động

Quỹ hỗ trợ nông dân; thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi đối với hợp tác xã. Tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ sản xuất phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên nguyên tắc tự nguyện và hài hòa lợi ích của các thành viên tham gia. Nâng dần tỷ lệ sản phẩm có liên kết hợp tác trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong hỗ trợ vốn, công nghệ và tiêu thụ nông sản của nông dân. Phát triển mạnh các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới theo lĩnh vực chuyên ngành trên cơ sở tích tụ ruộng đất để áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản xuất. Xây dựng các tổ, đội ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển, tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ và các tổ đồng quản lý nuôi trồng thủy sản.

5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường nguồn lực để phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững

5.1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư từ nguồn vốn Nhà nước, khuyến khích, thu hút đầu tư từ các nguồn vốn xã hội

Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư từ nguồn vốn Nhà nước như: Chính sách tích tụ ruộng đất hỗ trợ sản xuất lúa, giữ đất lúa đảm bảo an ninh lương thực; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ tạo lập, duy trì, phát triển nhãn hiệu, xây dựng chỉ dẫn địa lý, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hàng hóa đặc thù của tỉnh; các quy trình canh tác, quy trình nuôi đối với từng cây trồng, vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao; các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư từ các nguồn vốn xã hội như: Khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức tạo lập thương hiệu, nhãn hiệu, gắn với các vùng sản xuất an toàn và xúc tiến thương mại trong việc tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo hình thức đối tác công tư (PPP); tìm kiếm, thu hút nhà đầu tư chiến lược để làm đầu tàu dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm nông nghiệp và của các doanh nghiệp.

5.2. Tăng cường nguồn lực tài chính

Hằng năm căn cứ và khả năng ngân sách tỉnh, cân đối bố trí nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết, ưu tiên hỗ trợ các mô hình ứng dụng công nghệ cao mang tính chất đột phá, hiệu quả cao.

Lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ các Chương trình của Chính phủ, các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, của tỉnh, các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và đóng góp của người dân để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, phục vụ sản xuất, thị trường tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ môi trường nông thôn.

5.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu nuôi cấy mô, chọn tạo giống; có cơ chế thu

hút cán bộ trình độ cao phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, sử dụng thực tập sinh trở về từ nước ngoài; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông, lâm, ngư, bảo vệ thực vật, thú y cơ sở. Đổi mới chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; phát huy và nâng cao hiệu quả các cơ sở dạy nghề của Trung ương, của tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong đào tạo nghề lao động nông thôn; nâng cao năng lực cho nông dân trong tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

6. Đầu tư các dự án trọng điểm

Ưu tiên đầu tư và quản lý có hiệu quả các dự án trọng điểm xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, các cơ sở chế biến tinh sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về cơ chế, chính sách nhằm thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này và cân đối kinh phí thực hiện Nghị quyết trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể, hợp lý trình HĐND tỉnh phê chuẩn để tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thống nhất thực hiện Nghị quyết có hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, định kỳ hằng năm báo cáo, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng trên cơ sở Nghị quyết và Kế hoạch của UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện, xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan truyền thông của tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền nội dung Nghị quyết; cùng với các ban của Tỉnh ủy Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, nắm tình hình, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện nghị quyết, báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy, để báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ./. *pu*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo);
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn ở tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Các huyện, thành ủy, ĐU trực thuộc;
- Lưu VTTU.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Thị Thanh